TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Hà;

Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1983;
Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên;
có mặt.

2. Bị đơn: Trần Kim H, sinh năm: 1985;
Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2019, bản tự khai, nguyên đơn Trần Thị Ngọc T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Trần Kim H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn P), huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, về nhà đánh đập chị và không có trách nhiệm với gia đình. Hai người đã sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Thùy T, sinh ngày 04/7/2006, Trần Lưu Nhật T, sinh ngày 20/02/2008 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/3/2018, các con hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trần Thị Thanh T, còn cháu Trần Thị Thùy T

và Trần Lưu Nhật T muốn ở với mẹ nên chị sẽ nuôi, yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Ngọc T và bị đơn Trần Kim H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn P), huyện T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp; nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay nhưng không thể khắc phục được tình trạng mâu thuẫn. Xét thấy, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là Trần Thị Thùy T, sinh ngày 04/7/2006; Trần Lưu Nhật T, sinh ngày 20/02/2008 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/3/2018, các con hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con là phù hợp với nguyện vọng của các cháu Trần Thị Thùy T và Trần Lưu Nhật T, riêng cháu Trần Thị Thanh T còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần được người mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng nên yêu cầu của nguyên đơn đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 03 con chung cho nguyên đơn nuôi; bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Ngọc T được ly hôn với bị đơn Trần Kim H.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con là Trần Thị Thùy T, sinh ngày 04/7/2006, Trần Lưu Nhật T, sinh ngày 20/02/2008 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/3/2018 cho nguyên đơn Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Trần Kim H phải cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9/2019 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 114 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2015/0010788 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

Bị đơn Trần Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND TT. P;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa